

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 59/2005/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN-KL ngày 12/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "Quy định kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản"; bãi bỏ quy định tại tiết a, điểm 1.4 khoản 1, Chương II Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05/6/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của

Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 - 2005.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện, Trường có liên quan; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

VỀ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định về trình tự kiểm tra, kiểm soát và thủ tục vận chuyển, cất giữ, chế biến lâm sản trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bản quy định này áp dụng đối với tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc kiểm tra, kiểm soát vận chuyển, cất giữ, chế biến lâm sản.

Điều 3. Giải thích một số từ ngữ trong bản quy định này

1. Đồ mộc hoàn chỉnh: là các loại sản phẩm chế biến từ gỗ được lắp ráp hoàn chỉnh theo công dụng của loại sản phẩm hoặc các chi tiết tháo rời của sản phẩm hoàn chỉnh, khi lắp ráp có thể sử dụng được ngay theo công dụng của sản phẩm đó.
2. Đồ mộc chưa hoàn chỉnh: là bán sản phẩm được chế biến từ gỗ hoặc các chi tiết của sản phẩm đó, nhưng lắp ráp lại sẽ không thể được một sản phẩm hoàn chỉnh theo công dụng của loại sản phẩm đó.

3. Cơ quan Kiểm lâm sở tại: là Hạt Kiểm lâm cấp huyện trực thuộc Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh.

Điều 4. Lâm sản không phải kiểm tra thủ tục vận chuyển, cất giữ, chế biến

1. Thực vật rừng và sản phẩm của chúng (trừ gỗ) không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và các loại phế liệu gỗ, lâm sản khác sau chế biến.

2. Đồ mộc hoàn chỉnh.

3. Các loại ván nhân tạo, dăm, bột được chế biến từ lâm sản.

Điều 5. Giấy phép vận chuyển đặc biệt

1. Thực vật rừng (trừ gỗ), động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định hiện hành về chế độ quản lý và danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng không thuộc quy định tại Điều 4 của Quy định này có nguồn gốc trong nước, khi vận chuyển ra ngoài tỉnh, phải có giấy phép vận chuyển đặc biệt.

2. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt, gửi Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có lâm sản, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ của chủ lâm sản, nơi đi và nơi đến, mục đích vận chuyển, chủng loại, nguồn gốc, khối lượng, số lượng lâm sản;

b) Tài liệu chứng minh về nguồn gốc lâm sản nguy cấp, quý, hiếm xin cấp phép vận chuyển.

3. Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi có lâm sản, xem xét, cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt cho chủ lâm sản trong thời hạn tối đa là năm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc trả lời cho chủ lâm sản biết lý do không cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt.

4. Quản lý giấy phép vận chuyển đặc biệt

a) Cục Kiểm lâm in ấn, phát hành và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng giấy phép vận chuyển đặc biệt trong toàn quốc.

b) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tổ chức thực hiện việc cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của điều này và định kỳ

6 tháng một lần báo cáo Cục Kiểm lâm về tình hình và kết quả cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt.

Điều 6. Phương pháp đo, tính khối lượng gỗ tròn, gỗ xẻ

Phương pháp đo và tính khối lượng gỗ tròn, gỗ xẻ thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, sử dụng búa bài cây và búa kiểm lâm.

Đối với gốc cây, gỗ nhỏ đường kính đầu lớn dưới 25 cm thì có thể được phép đo, tính bằng đơn vị khối lượng là ste rồi quy đổi: 1 ste bằng 0,5m³ đến 0,7m³ tùy theo từng loại, do chủ lâm sản xác định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chương II

THỦ TỤC VẬN CHUYỂN, CẮT GIỮ, CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Điều 7. Thủ tục vận chuyển, cắt giữ gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp khai thác từ rừng tự nhiên trong nước

1. Đối với gỗ khai thác từ rừng tự nhiên Nhà nước giao, cho thuê cho các tổ chức:

a) Hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính. Đối với trường hợp vận chuyển nội bộ thì có phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ của tổ chức;

b) Lý lịch gỗ do tổ chức lập;

Gỗ có dấu búa Kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với lý lịch. Trường hợp gỗ không đủ tiêu chuẩn đóng búa kiểm lâm, thì có biên bản kiểm tra của cơ quan kiểm lâm sở tại nơi có gỗ.

2. Đối với gỗ khai thác từ rừng tự nhiên Nhà nước giao, cho thuê cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân:

Lý lịch gỗ do cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân lập, Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND xã) nơi có gỗ khai thác xác nhận;

Gỗ có dấu búa Kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với lý lịch.

Điều 8. Thủ tục vận chuyển, cất giữ gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp khai thác từ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán

1. Đối với tổ chức:

a) Hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp vận chuyển nội bộ, thì có phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ của tổ chức;

b) Lý lịch hoặc bảng kê gỗ do tổ chức lập;

Gỗ có dấu búa Kiểm lâm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với lý lịch. Trường hợp gỗ không đủ tiêu chuẩn đóng búa Kiểm lâm, thì có bảng kê, Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã nơi có gỗ xác nhận.

c) Tổ chức mua gom của nhiều hộ cộng đồng, gia đình, cá nhân thì có lý lịch hoặc bảng kê, Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã nơi có gỗ khai thác xác nhận.

2. Đối với gỗ của cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân:

Lý lịch gỗ hoặc bảng kê do cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân lập, Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã nơi có gỗ khai thác xác nhận.

Điều 9. Thủ tục vận chuyển gỗ tròn, gỗ xẻ nhập khẩu

1. Đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu trực tiếp:

a) Tờ khai nhập khẩu hàng hoá được cơ quan Hải quan Việt Nam có thẩm quyền xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

b) Lý lịch gỗ hoặc bảng kê gỗ do nước xuất khẩu lập, trong đó tên gỗ ghi tên khoa học bằng tiếng Latinh. Trường hợp nước xuất khẩu không xác lập các yếu tố này thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu trực tiếp phải lập bổ sung và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc lập bổ sung đó.

Trường hợp một lô gỗ nhập khẩu được vận chuyển nhiều lần thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải lập lý lịch hoặc bảng kê từng lần vận chuyển trích từ lý lịch gỗ hoặc bảng kê gốc và bản sao tờ khai Hải quan nhập khẩu hàng hoá do tổ chức, cá nhân nhập khẩu trực tiếp xác nhận.